

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN BÁ CẦU**

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY,  
TỈNH KON TUM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển  
Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

**Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Ninh Thị Thu Thủy**

**Phản biện 1: TS. Đoàn Gia Dũng**

**Phản biện 2: TS. Nguyễn Duy Thục**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 11 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp là bộ phận kinh tế hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội, không chỉ cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp mà còn tạo ra công ăn việc làm, thu nhập cho đại bộ phận dân số nước ta. Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến bộ phận kinh tế này, lần đầu tiên đã ban hành nghị quyết TW7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, coi phát triển nông nghiệp là cơ sở để phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội.

Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum là một huyện thuần nông với lợi thế về đất đai, thổ nhưỡng nên nông nghiệp được xác định là ngành có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, giải quyết việc làm. Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp ở huyện Sa Thầy trong những năm qua còn rất hạn chế cả về trình độ, qui mô giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế, chưa tương xứng với tiềm năng. Vì vậy cần phải tìm những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, góp phần nâng cao mức sống của người dân là vấn đề hết sức cần thiết đối với Huyện Sa Thầy. Đề tài: ***Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum***” nhằm phân tích đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp, từ đó đề ra các giải pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Sa Thầy.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp, đề tài đi phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp của Huyện Sa Thầy. Từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Sa Thầy.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề kinh tế về phát triển nông nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; trong đó nông nghiệp được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp: thống kê, mô tả, phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá...

### 5. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục luận văn gồm 3 chương :

Chương 1 nêu cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp

Chương 2 trình bày thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Sa Thầy

Chương 3 đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp của huyện Sa Thầy trong thời gian đến

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

#### 1.1. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA NÔNG NGHIỆP

##### 1.1.1. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

Theo nghĩa hẹp thì nông nghiệp chỉ có trồng trọt và chăn nuôi; còn theo nghĩa rộng gồm cả ba nhóm ngành: Nông nghiệp thuần túy (Trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp và thủy sản (gọi là nông - lâm - thủy sản). Trong luận văn này nông nghiệp được nghiên cứu theo nghĩa rộng.

Sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm riêng đó là:

- Sản xuất nông nghiệp được tiến hành trên địa bàn rộng lớn, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên mang tính khu vực rõ rệt.
- Trong nông nghiệp, ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được.
- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cơ thể sống - cây trồng và vật nuôi.
- Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.

##### 1.1.2. Vai trò của nông nghiệp trong phát triển kinh tế- xã hội

- Cung cấp các yếu tố đầu vào cho công nghiệp và KV thành thị.
- Là thị trường tiêu thụ lớn của công nghiệp.
- Đem lại nguồn thu nhập ngoại tệ lớn.
- Là cơ sở cho sự phát triển bền vững của môi trường.

#### 1.2. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

##### 1.2.1. Khái niệm phát triển nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp là một quá trình thay đổi theo hướng hoàn thiện về mọi mặt, trong đó bao gồm cả sự tăng thêm về qui mô giá trị

sản xuất nông nghiệp (Tăng trưởng), sự hoàn thiện về cơ cấu và sự nâng cao về hiệu quả kinh tế và xã hội của sản xuất nông nghiệp.

##### 1.2.1. Nội dung và tiêu chí phát triển nông nghiệp

###### 1.2.1.1. Phát triển nông nghiệp về qui mô

Phát triển nông nghiệp về qui mô là làm gia tăng khối lượng sản phẩm hàng hóa nông sản, gia tăng giá trị sản lượng sản xuất thông qua: gia tăng theo chiều rộng các yếu tố đầu vào; hoàn thiện phương thức sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật đẩy mạnh thâm canh; Xây dựng, hoàn thiện các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng quy mô lớn phù hợp với yêu cầu sản xuất hàng hoá và chuyển giao kỹ thuật.

Sự gia tăng kết quả đầu ra của nông nghiệp thể hiện bằng sự gia tăng sản lượng sản xuất, gia tăng sản lượng hàng hóa nông nghiệp, phản ánh bằng chỉ tiêu: Tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp.

###### 1.2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ kinh tế nông nghiệp theo hướng hợp lý

Về mặt lượng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng đầu ra thể hiện bằng sự thay đổi tỷ trọng của các bộ phận trong cơ cấu.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp hợp lý thể hiện ở sự dịch chuyển cơ cấu sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu vật nuôi theo hướng khai thác thế mạnh của địa phương và thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Về mặt chất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý thể hiện ở hiệu quả sử dụng các yếu tố nguồn lực làm tăng năng suất đất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập ròng trên 1 đơn vị đầu vào.

###### 1.2.2.3. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp

Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp thực hiện bằng cách:

- Tăng hệ số sử dụng đất nhờ biện pháp thủy lợi, cải tiến giống ngắn ngày, có chế độ luân canh cây trồng hợp lý.

- Gia tăng sản phẩm chăn nuôi, thủy sản nhờ cải tiến phương thức nuôi, áp dụng giống mới; sử dụng phương thức khai thác hợp lý và bảo tồn thiên nhiên.

- Ứng dụng công nghệ kỹ thuật mới để sản xuất ra nông sản có chất lượng cao hơn, giá trị lớn hơn, giảm chi phí trong sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ.

- Đẩy mạnh thâm canh nhằm tăng năng suất nông nghiệp.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, mở rộng thị trường.

Hiệu quả sản xuất nông nghiệp được phản ánh bằng các chỉ tiêu:

+ Năng suất nông nghiệp: Năng suất đất, năng suất lao động.

+ Tỷ lệ giá trị sản xuất/ Chi phí trung gian (GO/IC)

+ Tỷ lệ VA/1 đv đầu vào (diện tích, vốn),

+ Thu nhập/1 đv diện tích;

+ Gia tăng tích lũy cho nông nghiệp;

+ Gia tăng việc làm, nâng cao thu nhập, nộp ngân sách....

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

#### **1.3.1. Điều kiện tự nhiên**

#### **1.3.2. Điều kiện kinh tế, xã hội**

#### **1.3.3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

#### **1.3.4. Các chính sách về phát triển nông nghiệp**

### **1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG MIỀN NÚI**

Từ kinh nghiệm của một số huyện miền núi, những bài học kinh nghiệm được rút ra:

- Lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi dựa trên thế mạnh về điều kiện tự nhiên của địa phương; Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp hợp lý.

- Cần xác định và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, kết hợp chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng, cơ cấu vật nuôi.

- Thực hiện dồn điền đổi thửa và tích tụ ruộng đất, luân canh, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, sản lượng, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp, hệ thống dịch vụ kỹ thuật, ứng dụng qui trình kỹ thuật tiên bộ, trang bị kiến thức sản xuất cho nông dân.

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**

**2.1. CÁC YẾU TỐ TỰ NHIÊN, KINH TẾ – XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN SA THẦY**

**2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

Sa Thầy là huyện miền núi, biên giới của Tây Nguyên, nằm ở cực Nam tỉnh Kon Tum; diện tích tự nhiên 2.408 km<sup>2</sup>, mật độ dân số 14,7 người/km<sup>2</sup>. Địa hình đa dạng, có đủ điều kiện và tương đối thuận lợi để phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Sa Thầy là nơi có rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng nhất của thủy điện Ya Ly.

**2.1.2. Điều kiện kinh tế – xã hội**

- Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Dân số, lao động, việc làm, thu nhập của huyện Sa Thầy
- Về cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp
- Nguồn vốn
- Tình hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ
- Hoạt động của hệ thống cung ứng dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp

**2.1.3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

**2.1.4. Các chính sách phát triển nông nghiệp của huyện**

**2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

**2.2.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp**

- Tăng trưởng sản xuất nông nghiệp

**Bảng 2.1: Giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện gđ 2006 - 2010**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	BQ (%)
Tổng GTSX	246.806	309.988	326.542	309.574	362.226	9,1
Nông nghiệp	213.487	260.389	267.852	265.049	312.521	9,36
1. Nông nghiệp	213.487	260.389	267.852	265.049	312.521	9,36
2. Thủy sản	5.840	6.620	7.132	7.498	8.630	8,8
3. Lâm nghiệp	27.479	42.979	31.703	37.027	41.075	<b>10,81</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Sa Thầy)

Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp vẫn duy trì được tốc độ tăng khá, tuy nhiên còn thấp hơn so với mức tăng giá trị sản xuất chung toàn huyện tốc độ tăng các năm không ổn định. Kinh tế nông nghiệp đã có sự dịch chuyển tích cực, từng bước hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa.

- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp:

Sự chuyển dịch giữa các lĩnh vực Nông – lâm – thủy sản không đáng kể, nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu đóng góp trên 80% giá trị sản xuất toàn ngành; thủy sản chỉ đóng góp một tỷ lệ rất khiêm tốn dưới 3%. Với lợi thế rất lớn của huyện là rừng nhưng lâm nghiệp mới đóng góp khoảng 10% giá trị là chưa tương xứng.

**Bảng 2.2: Cơ cấu Nông–Lâm–Thủy sản của huyện gđ 2005 - 2010**

(Đơn vị tính: %)

Ngành	2006	2007	2008	2009	2010
1. Nông nghiệp	86,5	84,0	88,11	85,61	86,28
2. Thủy sản	2,37	2,14	2,18	2,43	2,39
3. Lâm nghiệp	11,13	13,86	9,71	11,95	11,33

**2.2.2. Phát triển các ngành trong nông nghiệp**

**2.2.2.1. Trồng trọt**

**Bảng 2.3: Diện tích, sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu**

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	BQ (%)
A. Diện tích (ha)	17.222,3	17.352,9	20.629,6	22.694,1	26.859,1	7,09
<b>I. Cây hàng năm</b>	<b>11.167</b>	<b>10.386</b>	<b>12.001,9</b>	<b>11.096,5</b>	<b>10.827</b>	<b>-0,35</b>
1. Cây lúa	2.363	2.412	2.428	2.323	2.346	-0,15
2. Cây ngô	684	507	527	412	361	-14,03
3. Cây sắn	6.876	7.277	7.229	8.155	7.929	3,8
<b>II. Cây lâu năm</b>	<b>6055,3</b>	<b>6966,9</b>	<b>8627,69</b>	<b>11597,6</b>	<b>16.032,3</b>	<b>27,89</b>
1. Cao su	5.177	6.074	7.722	10.683	15.047	30,9
2. Cà phê	495	500	613	566	657	8,01
3. Tiêu	11	12	13	7	7,3	-6,1
4. Cây ăn quả	406	380	352	342	321	- 5,6
<b>B. Sản lượng</b>						
<b>I. Cây lương thực (Tấn)</b>						
1. Lúa cả năm	6.871	8.266	8.725	8.006	8.521	6,01
2. Cây ngô	1.404	1.806	2.326	1.764	1.104	1,03
3. Cây sắn	100.646	115.196	115.086	125.705	120.091	4,78
4. Cây hàng năm (mía)	616	1.165	2.143	4.108	4.253	67,07
<b>II. Cây CN</b>						
1. Mủ cao su	280	616	1.088	2.731	3.042	89,75
2. Cà phê nhân	722	650	850	764	785	3,36
3. Tiêu	18	20	18	14	15	- 3,49

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Sa Thầy)

- **Diện tích:** Diện tích cây gieo trồng hàng năm giảm 0,35%/năm: Lúa giảm 0,15%/năm; Ngô giảm 14,03%; rau đậu giảm 0,4%/năm; diện tích sản tăng nhưng không đáng kể 3,8%/năm. Diện tích cây lâu năm tăng 27,89%/năm, tập trung chủ yếu vào tăng diện tích cây cao su (30,9%/năm) và cây cà phê (9,7%/năm); diện tích tiêu giảm 6,1%/năm; cây ăn quả giảm 5,6%/năm.

- **Sản lượng:** Mặc dù diện tích giảm nhưng sản lượng các loại cây lương thực vẫn tăng, tuy mức tăng thấp. Sản lượng các loại cây công nghiệp như cao su, cà phê gia tăng đáng kể: cao su tăng 89,75%/năm; cà phê tăng 3,36%/năm; riêng tiêu giảm 3,49%/năm.

**2.2.2.2. Chăn nuôi**

**Bảng 2.4: Qui mô đàn gia súc, gia cầm của huyện**

(Đơn vị tính: con)

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	BQ (%)
<b>I. Đàn gia súc</b>	<b>18.845</b>	<b>17.985</b>	<b>18.206</b>	<b>18.874</b>	<b>19.590</b>	<b>1,74</b>
1. Trâu	346	373	428	562	539	17,7
2. Bò	10.603	9.766	9.081	8.924	9.054	6,7
3. Lợn	7.088	6.950	7.625	8.709	9.616	0,7
4. Dê	808	896	800	677	731	5,5
<b>II. Đàn gia cầm</b>	<b>42.951</b>	<b>35.561</b>	<b>35.416</b>	<b>38.372</b>	<b>42.213</b>	<b>2,74</b>
1. Gà	38.849	31.872	31.880	33.028	35.849	2,68
<b>III. SL thịt hơi (tấn)</b>	<b>915</b>	<b>870</b>	<b>812</b>	<b>932</b>	<b>985</b>	<b>0,11</b>
1. Trâu	9	11	10	16	14	14,6
2. Bò	256	263	292	238	253	3,07
3. Lợn	650	596	410	463	495	2,41

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Sa Thầy)

Số lượng đàn gia súc tăng chậm 1,743%/năm; sản lượng thịt xuất chuồng tăng bình quân 0,11%/năm, thấp hơn tốc độ tăng số lượng đàn gia súc chứng tỏ hiệu quả chăn nuôi gia súc có xu hướng giảm.

Đàn gia cầm trong 2 năm 2007 - 2008 do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm đã giảm đi rất mạnh, năm 2009 huyện đã tổ chức tốt công tác tiêm phòng cho gia súc gia cầm, nên số lượng đàn gia cầm đã tăng lên đáng kể.

Chăn nuôi của huyện còn chậm phát triển, quy mô đàn gia súc, gia cầm nhỏ lẻ, chưa tận dụng được lợi thế đất đai, đồng cỏ rộng để phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung.

#### **2.2.2.3. Thủy sản**

Sản lượng nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2006 – 2010 tăng bình quân 14,28%/năm; Sản lượng thủy sản khai thác tự nhiên tăng 16,5%/năm. Năm 2010 sản lượng nuôi trồng đạt 235 tấn, trong đó sản lượng cá đạt 199 tấn (chiếm 84,6%). Sản lượng thủy sản khai thác tự nhiên tăng 16,5%/năm, năm 2010 đạt 493,6 tấn, đáp ứng nhu cầu trên địa bàn và cung cấp cho các nơi khác.

#### **2.2.2.4. Lâm nghiệp**

- *Công tác trồng rừng*: xây dựng các mô hình phát triển kinh tế rừng theo hướng gắn bảo vệ, phát triển với khai thác, chế biến và hưởng lợi từ rừng. Phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại tổng hợp vườn rừng, kết hợp chăn nuôi với trồng trọt, nhân rộng các mô hình có hiệu quả

- *Công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng*: Triển khai giao đất, giao rừng và khoán quản lý, bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư sống gần rừng.

- *Công tác công tác quản lý và bảo vệ rừng*: Giáo dục, tuyên truyền người dân thực hiện tốt trách nhiệm chủ rừng; tăng cường

kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các trường hợp phát rừng làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép.

#### **2.2.3. Tổ chức sản xuất nông nghiệp**

Tại huyện Sa Thầy đã hình thành và phát triển các mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp sau:

- *Kinh tế hộ gia đình*: là mô hình tổ chức sản xuất chủ yếu, Tuy nhiên kiến thức sản xuất các hộ còn rất hạn chế, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, sản xuất kinh doanh mang tính tự phát, đặc biệt là các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số

- *Kinh tế trang trại*: số lượng trang trại trên địa bàn huyện tăng nhanh, năm 2010 đã có 128 trang trại (126 trang trại trồng cây lâu năm, 2 trang trại nuôi trồng thủy sản). Các trang trại đã thực hiện chuyên canh, thâm canh, ứng dụng công nghệ mới và quản lý sản xuất chặt chẽ, tuy nhiên quy mô các trang trại còn rất nhỏ.

- *Hợp tác xã*: đến năm 2010, mới có 03 hợp tác xã nông nghiệp, thì 02 hợp tác xã đã ngừng hoạt động, 01 hợp tác xã mới thành.

Ngoài ra huyện đã nhân rộng một số mô hình phát triển nông nghiệp mới như: Phát triển kinh tế kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng, hộ gia đình trồng cây công nghiệp, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, mô hình chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cây cao su...

#### **2.2.4. Hiệu quả sản xuất nông nghiệp của huyện**

- *Năng suất cây trồng*

**Bảng 2.5: Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu của huyện**

(Đvt: tạ/ha)

Loại cây trồng	2006	2007	2008	2009	2010
<b>I. Cây lương thực</b>					
1. Lúa cả năm	29,08	34,27	35,93	34,46	35,23
- Lúa đông xuân	58,03	59,71	59,45	59,32	60,14
- Lúa nước vụ mùa	18,37	24,12	26,24	23,35	25,17
- Lúa rẫy	9,76	8,35	9,89	6,59	8,99
2. Cây ngô	20,51	35,62	44,14	42,92	45,31
3. Cây sắn	146,37	158,30	159,20	154,16	156,46
4. Cây CN hàng năm	220	431,8	437,24	555,2	594,76
<b>II. Cây CN</b>					
1. Cao su	5,28	8,00	12,11	10,31	10,33
2. Cà phê (nhân)	14,83	14,28	19,52	15,85	15,68
3. Tiêu (khô)	18,0	16,67	18,36	19,37	19,2

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Sa Thầy)

Năng suất một số cây trồng chính: Năng suất lúa cả năm, Ngô, Sắn của huyện đều tăng và cao hơn năng suất bình quân toàn tỉnh.

Năng suất cao su tăng khá nhanh, tuy nhiên so với năng suất chung của tỉnh thì còn thấp hơn nhiều (năm 2010 thấp hơn 2,45 tạ/ha). Năng suất cà phê hầu không tăng, thấp hơn mức trung bình toàn tỉnh 4,55 tạ/ha; Năng suất tiêu tương đối ổn định.

- Đóng góp của ngành nông nghiệp về thu nhập:

Nông nghiệp là ngành đóng góp nhiều nhất trong tổng thu nhập toàn huyện, năm 2005 chiếm gần 60% tổng thu nhập, nhưng đến năm 2010 tỷ trọng này chỉ còn 33,35%, cho thấy thu nhập từ ngành nông

ng nghiệp có tốc độ tăng chậm hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ do năng suất của ngành nông nghiệp tăng chậm.

- Ngoài ra sự phát triển của nông nghiệp còn góp phần giải quyết việc làm cho trên 70% lực lượng lao động của huyện.

### **2.3. Những tồn tại trong phát triển nông nghiệp ở huyện Sa Thầy và nguyên nhân**

#### **2.3.1. Những tồn tại**

- Tiềm năng nông nghiệp lớn nhưng khai thác chưa đúng mức.

- Nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, chưa cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi. Sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm.

- Khả năng tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học của một bộ phận nhân dân còn thấp, chưa được chú trọng.

- Công nghiệp chế biến phát triển chậm,

- Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn còn thấp kém, không đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Các thành phần kinh tế phát triển chưa mạnh: Kinh tế hộ chậm phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá; kinh tế hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả, chưa được quan tâm đúng mức; kinh tế trang trại còn mang tính tự phát,

- Lao động nông nghiệp đa số chưa được qua đào tạo, có trình độ dân trí thấp.

- Lực lượng cán bộ nông nghiệp cơ sở như mạng lưới khuyến nông, khuyến ngư còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu.

#### **2.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại**

##### **2.3.2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Tác động của thị trường thế giới về giá cả vật tư, phân bón và giá sản phẩm nông nghiệp trên thị trường biến động, thiếu ổn định.



- Sa Thầy là huyện biên giới ở vị trí ngõ cụt, xuất phát điểm về kinh tế thấp. Mặt bằng dân trí thấp, không đồng đều, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, phong tục tập quán lạc hậu, tâm lý tiểu nông, trông chờ ỷ lại vào Nhà nước còn nặng nề.

- Điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

#### **2.3.2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác xây dựng quy hoạch chậm, chất lượng thấp, tầm nhìn còn hạn chế. Việc quản lý quy hoạch thiếu chặt chẽ, triển khai thực hiện quy hoạch chưa đồng bộ.

- Quản lý nhà nước về tài nguyên rừng, khoáng sản, đất đai còn buông lỏng.

- Công tác tuyên truyền, vận động chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi chậm.

- Việc thu hút đầu tư từ bên ngoài vào địa bàn chưa nhiều.

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN SA THẦY TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

### **3.1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN SA THẦY ĐẾN NĂM 2020**

#### **3.1.1. Quan điểm**

- Xác định nông nghiệp là ngành chủ đạo, phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu cả trước mắt và lâu dài, là nền tảng để phát triển bền vững về kinh tế và ổn định chính trị, xã hội.

- Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn của huyện phải bắt đầu từ CNH - HĐH nông nghiệp

- Tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để tạo động lực phát triển, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, đời sống.

#### **3.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện đến năm 2020**

Phần đầu đạt 4 mục tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng và giá trị nhằm đảm bảo lương thực tại chỗ, ổn định đời sống nhân dân. Mục tiêu đến năm 2020:

- Tốc độ phát triển kinh tế 13%/ năm; Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 12 - 13 triệu đồng

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 52.000 ha. Trong đó: diện tích lúa nước 2 vụ 900 ha - Cây sắn 6.000 ha - Cây ngô 500 ha - Cà phê 900 ha - Cao su 43.000 ha.

**3.1.3. Phương hướng**

**3.1.3.1. Phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp**

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của huyện về quỹ đất, thủy năng, tài nguyên rừng, khoáng sản...

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn

- Tranh thủ và phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng như cơ sở hạ tầng xã hội.

- Đầu tư đưa giống cây, con năng suất cao, hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất. Tăng số hộ có thu nhập 50 triệu đồng trên một ha đất canh tác.

- Triển khai hiệu quả các dự án trồng rừng, trồng cao su và lai tạo đàn gia súc, gia cầm, khai thác tốt việc đánh bắt nuôi trồng thủy sản trên các lòng hồ thủy điện.

**3.1.3.2. Phương hướng bố trí sử dụng đất nông nghiệp**

**Bảng 3.1: Qui hoạch diện tích, cơ cấu đất đến năm 2015**

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Qui hoạch 2015	
		Diện tích (ha)	TT (%)	Diện tích (ha)	TT (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	<b>240.834</b>	<b>100</b>	<b>240.834</b>	<b>100</b>
1	Nhóm đất nông nghiệp	<b>201.558</b>	83,7	<b>203.609</b>	84,6
2	Nhóm đất phi NN	<b>8.914</b>	3,7	<b>9.218</b>	3,8
3	Nhóm đất chưa sử dụng	<b>30.362</b>	12,6	<b>28.007</b>	11,6

(Nguồn: Phòng Kinh tế huyện Sa Thầy)

**3.1.3.3. Phương hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa**

- Tăng cường đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế -

xã hội, lựa chọn ưu tiên đầu tư những công trình phát huy hiệu quả nhanh làm chuyển biến các vùng đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống, nhất là thành tựu về sinh học.

- Đẩy nhanh xây dựng các vùng sản xuất tập trung, từng bước hình thành vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến.

- Tích cực phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, đi đôi với hợp tác liên kết các doanh nghiệp Nhà nước.

**3.2. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN SA THẦY**

**3.2.1. Hoàn thiện và quản lý quy hoạch phát triển nông nghiệp của huyện**

- Rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết từ huyện đến các xã.

- Tiến hành rà soát lại quỹ đất, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Có biện pháp thu hồi các diện tích đất đã cấp nhưng không sử dụng hoặc sử dụng lãng phí, kém hiệu quả.

- Quy hoạch sử dụng đất, bố trí các loại cây trồng cần chú ý:

+ Mở rộng diện tích các loại cây có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện sinh thái của huyện như cây cao su thay vào các diện tích đất trồng xấu đã bị thoái hóa bởi canh tác sắn.

+ Hạn chế mở rộng diện tích cây hàng năm đặc biệt là cây sắn.

+ Phát triển cây cao su nếu chuyển đổi từ đất rừng thì cần tránh khai thác bừa bãi vào những vùng rừng trung bình và rừng giàu.

+ Nghiên cứu phát triển những loại cây trồng có triển vọng như: Cây lúa cạn; Cây Dầu mè; Cây ca cao; Cây Hồng (Polonia); Trồng cỏ phục vụ chăn nuôi và phủ đất chống xói mòn.

+ Ôn định cơ cấu rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Tập trung quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên và rừng sản xuất hiện có, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao.

### **3.2.2. Hoàn thiện các chính sách phát triển nông nghiệp**

#### **- Chính sách đất đai:**

+ Tháo gỡ vướng mắc trong quản lý, sử dụng đất; thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng...

+ Rà soát, tiến hành giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp tục thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để tạo kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

#### **- Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất:**

+ Kiểm định chất lượng giống cây, con.

+ Hỗ trợ ở giai đoạn kiến thiết cơ bản của sản xuất cây cao su.

+ Đầu tư phát triển công nghiệp chế biến.

#### **- Chính sách khuyến nông, khuyến lâm**

#### **- Chính sách hỗ trợ khai hoang ruộng lúa nước**

#### **- Chính sách bảo vệ rừng:**

+ Cần có chính sách khuyến khích người làm công tác bảo vệ rừng.

+ Đẩy mạnh công tác trồng rừng kinh tế.

+ Tập trung khoanh nuôi, bảo vệ, chăm sóc, tái sinh rừng, nhất là rừng đầu nguồn, phòng hộ; đẩy nhanh tiến độ giao đất, giao rừng cho hộ nông dân và cộng đồng dân cư, làng xã sống gần rừng; gắn quyền lợi với trách nhiệm của các chủ rừng.

### **3.2.3. Hoàn thiện các mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp**

+ Kinh tế hộ gia đình: Phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp hàng hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

nông thôn.

+ Hợp tác xã: Xây dựng các tổ hợp tác sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông - lâm - thủy sản cho các sản phẩm chủ lực của huyện như: cao su, sắn, cà phê...

+ Tích tụ đất đai để hình thành các trang trại đủ lớn, khu chuyên canh sản xuất hàng hóa. Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất trang trại, hình thành các trang trại chăn nuôi đại gia súc, chăn nuôi động vật hoang dã quy mô lớn.

+ Phát triển mô hình trồng, chăm sóc bảo vệ rừng gắn với chăn nuôi

### **3.2.4. Tăng cường hoạt động đầu tư phát triển bền vững nông nghiệp**

#### **3.2.4.1. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp**

- Đầu tư có trọng điểm và đồng bộ để khai thác các nguồn tài nguyên có hiệu quả, trong đó tập trung đầu tư xây dựng và hoàn chỉnh các công trình kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống thủy lợi, giao thông, điện, khoa học kỹ thuật.

- Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư. Kêu gọi các thành phần kinh tế, đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ và đầu tư kết cấu hạ tầng.

- Ưu tiên nguồn vốn cho các công trình có tính thúc đẩy kinh tế - xã hội, các tuyến đường liên thôn, liên xã, nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa, công trình thủy lợi.

#### **3.2.4.2. Đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng**

Có chính sách tín dụng thích hợp để các nông hộ tiếp nhận được vốn của Ngân hàng. Đẩy mạnh tiến độ cấp "sổ đỏ" về quyền sử dụng ruộng đất để các nông hộ được vay vốn qua tín chấp đất đai.

#### **3.2.4.3. Đầu tư nâng cao dân trí**

- Nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; nâng cao chất lượng các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế.
- Tăng cường công tác truyền thông chính sách dân số -kế hoạch hóa gia đình.
- Thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, nhất là giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **3.2.4.4. Đầu tư chiều sâu vào tài nguyên đất**

Nâng cao và ổn định lâu dài độ phì nhiêu của đất.

#### **3.2.4.5. Đầu tư chiều sâu vào tài nguyên nước**

- + Nâng cấp các công trình thủy lợi và kiên cố hoá kênh mương.
- + Tăng độ che phủ trên các lưu vực bằng cách bố trí hệ thống canh tác hợp lý, trồng rừng đầu nguồn, trồng cây chắn gió, cây họ đậu...
- + Áp dụng biện pháp bảo vệ nguồn nước ngầm, tạo nguồn nước bổ sung cho nguồn nước ngầm bằng cách: ngăn chặn nạn phá rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, ưu tiên trồng các loại cây lâu năm có độ che phủ cao; có quy hoạch khai thác sử dụng nguồn nước ngầm hợp lý.

#### **3.2.4.6. Đầu tư chiều sâu vào tài nguyên rừng**

- + Tập trung vào phục hồi rừng tái sinh và trồng rừng mới,
- + Trên cơ sở xem xét độ phì nhiêu thực tế, độ phì nhiêu của đất để xác định các chuẩn mực về điều kiện tự nhiên để bố trí đúng cây rừng và cây công nghiệp.

#### **3.2.5. Huy động vốn bằng nhiều nguồn cho phát triển nông nghiệp**

- Có cơ chế thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở sản xuất và dịch vụ nông nghiệp.
- Đẩy mạnh và mở rộng đầu tư tín dụng nông nghiệp.
- Tạo điều kiện thuận lợi để người dân, các nhóm hộ, tổ hợp tác được tiếp cận với các nguồn vốn.
- Ưu tiên nguồn vốn tín dụng Nhà nước vào các dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến và tiêu thụ.

#### **3.2.6. Đẩy mạnh công tác khuyến nông và chuyển giao công nghệ**

- Đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, từng bước cơ giới hóa, thủy lợi hóa trong sản xuất, xác định cây, con phù hợp với từng vùng;
- Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản mới.
- Đầu tư hỗ trợ các mô hình thử nghiệm giống mới có năng suất chất lượng cao, thích nghi với điều kiện đất đai khí hậu của địa phương để nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

#### **3.2.7. Mở rộng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm**

- **Khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến nông sản:** Cần có qui hoạch, kêu gọi đầu tư để chế biến, tiêu thụ nông sản cho nông dân.
- **Đẩy mạnh tiêu thụ nông sản:**
  - +Liên kết với các doanh nghiệp thực hiện các hợp đồng đầu tư con giống, cây giống, vốn cho dân và bao tiêu sản phẩm.
  - + Ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với các tổ chức mua để các nông hộ nhận được vốn ứng trước bằng vật tư.
  - + Tổ chức tốt mạng lưới tư thương, thiết lập quan hệ hợp đồng hai chiều giữa nông hộ với công ty kinh doanh, chế biến nông sản.

+ Xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng, kết nối mạng Internet, lập trang Web giới thiệu sản phẩm...

**- Thực hiện tốt mô hình liên kết “4 nhà”:**

+ Các doanh nhân làm công tác xuất khẩu nông sản; đầu tư vào khâu chế biến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch; xây dựng, quảng bá thương hiệu nông sản.

+ Nhà khoa học: xác định nông sản chiến lược, chất lượng giống cây, giống con. Cùng với các nhà quản lý xây dựng kế hoạch và chỉ đạo sản xuất; giúp nông dân áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật ...

+ Nhà “ngân hàng” cho vay tiền để tái sản xuất mở rộng, chế biến và bảo quản nông sản sau thu hoạch; hỗ trợ vốn cho nông dân khi giá cả thị trường thế giới xuống thấp, chưa bán được nông sản.

**3.3. Một số kiến nghị**

- Đối với nhà nước:

+ Cần có chính sách hỗ trợ, ưu tiên đặc biệt về vốn, giống cây trồng, vật nuôi, khoa học kỹ thuật, đào tạo kỹ thuật cho người dân; đặc biệt đầu tư cho kết cấu hạ tầng phát triển nông nghiệp nông thôn.

+ Cần có cơ quan chuyên trách dự báo thị trường nông sản.

- Đối với tỉnh Kon Tum:

+ Rà soát qui hoạch phát triển nông – lâm – ngư nghiệp cho các huyện. Cần có qui hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng nhất là hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống cung cấp điện, nước; các cơ sở sản xuất, cung ứng cây giống, con giống, cơ sở chế biến nông sản.

+ Xác định phương hướng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế đất đai, khí hậu của tỉnh và có khả năng tiêu thụ.

+ Hỗ trợ địa phương trong khuyến nông, đào tạo nguồn nhân lực.

+ Cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư vào phát triển nông nghiệp.

**KẾT LUẬN**

Luận văn đã hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Hệ thống hóa những cơ sở lý luận cơ bản về phát triển nông nghiệp; làm rõ nội dung, các tiêu chí đánh giá phát triển nông nghiệp; chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp; nghiên cứu kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của các địa phương.

- Bằng số liệu thu thập và phân tích, luận văn đã chỉ ra những lợi thế và bất lợi của huyện Sa Thầy trong phát triển nông nghiệp.

- Đánh giá những thành công và hạn chế trong phát triển nông nghiệp ở huyện Sa Thầy. Nghiên cứu cho thấy: Nông nghiệp là bộ phận chủ yếu trong cơ cấu kinh tế của huyện Sa Thầy. Những năm qua, nông nghiệp của huyện đã có những bước phát triển mạnh mẽ, giá trị sản xuất nông nghiệp có mức tăng khá (9,1%/năm), góp phần quan trọng giải quyết việc làm, tạo thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho người dân. Cơ cấu nông nghiệp của huyện đã có sự chuyển dịch theo hướng nông nghiệp – lâm nghiệp - thủy sản; sự chuyển dịch cơ cấu các loại cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và mang lại giá trị kinh tế cao, năng suất, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi tăng lên; các mô hình sản xuất tiên bộ đang hoàn thiện và phát triển.

Tuy nhiên mức tăng giá trị sản xuất nông nghiệp còn thấp hơn mức tăng giá trị sản xuất bình quân toàn huyện; Các tiềm năng trong sản xuất nông nghiệp chưa được khai thác hết, các điều kiện hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn còn thấp kém, trình độ sản xuất, kỹ thuật canh tác còn nhiều hạn chế.

- Luận văn đã đề xuất 7 giải pháp quan trọng để phát triển nông nghiệp của huyện Sa Thầy trong thời gian đến.